

BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU TRẮC NGHIỆM ĐO LƯỜNG TƯ DUY SÁNG TẠO

THS.PHAN THỊ DUNG

Trong tâm lý học, hoạt động nhận thức của con người được chia thành hai cấp độ: Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Tư duy sáng tạo là một thành phần quan trọng của nhận thức lý tính, nó giúp con người tạo ra những ý tưởng mới, độc đáo và đưa ra những giải pháp mới, thích hợp với những vấn đề đặt ra. Tư duy sáng tạo cần thiết cho mọi lĩnh vực hoạt động của con người, từ hoạt động du lịch, hoạt động văn hóa đến hoạt động kinh doanh v.v... Vậy tư duy sáng tạo là gì? Làm thế nào để đo lường khả năng sáng tạo của sinh viên – những cán bộ văn hóa tương lai?

Dưới góc nhìn tâm lý học, tư duy sáng tạo cũng có nhiều mặt như chính bản thân con người (sinh lý, tâm lý, tư duy trí tuệ, cảm xúc...). Nó có sự khác biệt giữa các cá nhân, giữa các lứa tuổi và nghề nghiệp. Các nhà tâm lý học cho rằng, mọi sự sáng tạo đều dựa trên một thuộc tính chung của nhân cách, đó là năng lực tìm ra những mối quan hệ mới giữa các kinh nghiệm vốn tồn tại đơn lẻ, rời rạc. Những quan hệ này nhờ tư duy sẽ tạo ra ý tưởng mới, hành động mới hay sản phẩm mới, độc đáo, phù hợp và có giá trị tối lợi.

J.P.Guilford (1967) xác định tư duy sáng tạo gồm có các đặc điểm và năng lực sau: Tính lưu loát (fluency), tính mềm dẻo (flexibility), tính chi tiết (elaboration), tính độc đáo (originality), tính nhạy cảm vấn đề (sensitivity) và sự định nghĩa lại (redefinition).(Tltk 1, tr18)

Các nghiên cứu của Viện nhân cách của Đại học tổng hợp California cũng khẳng định rằng:

- + Người sáng tạo trội hơn về tính phức hợp trong tư duy.
- + Người sáng tạo tinh tế hơn và phức hợp hơn trong tâm vận động.
- + Người sáng tạo có tính độc lập hơn trong đánh giá.
- + Người sáng tạo có tự ý thức cao hơn, tự tin cao hơn.
- + Người sáng tạo luôn chống lại sự áp đặt và sự hạn chế. (Tltk 1, tr 27)

Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau về tư duy sáng tạo nhưng theo chúng tôi, định nghĩa của Torrance (1962) là hợp lý nhất: “ Tư duy sáng tạo là một quá trình tạo ra ý tưởng hoặc giải thích, thử nghiệm ý tưởng này đi đến kết quả ... Kết quả này có ít nhiều mới mẻ, có chút ít cái gì đó trước đây con người chưa bao giờ nhìn thấy, chưa có ý thức về nó”. Như vậy tiêu chí sáng tạo ở đây là “mới”, “độc đáo”, “cần thiết” và được một nhóm người nào “thừa nhận” là có ích. (Tltk 2, tr 9)

Để đánh giá, đo lường tư duy, trên thế giới có nhiều loại test khác nhau như: test Binet – Simon, test Standford – Binet, test Raven, test Amthauer hay test Wechler v.v... Các test nói trên chỉ thích hợp cho việc đánh giá tư duy thông minh (xác định chỉ số IQ) mà không có khả năng đánh giá về khả năng tư duy sáng tạo (xác định chỉ số CQ – Creative Quotient). Để khắc phục khiếm khuyết này trong việc đánh giá tư duy trí tuệ, các nhà tâm lý học đã soạn thảo ra những bộ test sáng tạo riêng biệt có khả năng xác định chỉ số sáng tạo CQ của trẻ em và người lớn. Trong phạm vi bài nghiên cứu này, chúng ta sẽ nghiên cứu bộ trắc nghiệm TSD-Z (Test Schoepferisches Denken – Zeichnerisch) của tác giả người Đức Klaus K. Urban, do TS.Nguyễn Huy Tú việt hóa năm 2000.

Về nội dung, đặc điểm và năng lực kỹ thuật thì bộ test TSD-Z là một công cụ kiểm tra ban đầu về tư duy sáng tạo của con người. TSD-Z là viết tắt tên tiếng Đức

của “Test Schoepferisches Denken – Zeichnerisch”. Nó được dịch sang tiếng Anh là “Test for creative thinking – Drawing production” và viết tắt là TCT-DP. TSD-Z vừa phục vụ việc nhận dạng những tiềm năng sáng tạo đặc biệt vừa để nhận ra những cá thể cần được hỗ trợ do có tiềm năng sáng tạo dưới mức trung bình. Đây là bộ test sáng tạo được xây dựng trên quan điểm lượng hóa nội dung, các tiêu chuẩn về thực hiện test, đánh giá test là khá đơn giản, tiết kiệm và khả năng vận dụng của test là rất rộng rãi. Hơn nữa TSD-Z còn có một ưu điểm lớn là nó dùng vật kích thích là hình vẽ, nét vẽ và hành vi của nghiệm thể cũng là để tạo ra các nét vẽ, hình vẽ trên giấy. Chính phương thức vẽ đã cho phép TSD-Z bảo đảm tính chất cân bằng văn hóa (culturfairness) đến mức tối đa. TSD-Z có thể sử dụng trên các nghiệm thể trong khoảng 4 – 95 tuổi, với trình độ học vấn, dân tộc... khác nhau. Vật liệu test chỉ cần là một trang giấy mà trên đó đã cho trước một số họa tiết (xem hình 1) có tác dụng kích thích sự tự do vẽ tiếp của nghiệm thể, sản phẩm vẽ được đánh giá theo 14 tiêu chí. Khác với những test sáng tạo truyền thống là những loại test chỉ đo về mặt lượng và về nguyên tắc chỉ đo được một thành tố của tư duy phân kỳ (divergence thinking), nghĩa là chỉ đo được về tính lưu loát (fluency) của ý tưởng (ở đây chỉ đề ý đến mặt số lượng của năng lực sản sinh ý tưởng trong một đơn vị thời gian), test TSD-Z muốn chú trọng đo những thuộc tính về chất lượng tiềm năng sáng tạo của con người. TSD-Z có hai dạng A và B, trong đó dạng B chính là dạng A được quay đi một góc 180 theo chiều kim đồng hồ, chúng có độ khó tương đương.

Về kỹ thuật thực hiện test, TSD-Z là loại test nhóm, nghĩa là nhiều nghiệm thể cùng được thực hiện test trong cùng một thời gian, không gian và các điều kiện khác. Như vậy, để bảo đảm tính khách quan, test cần được diễn ra trong không khí yên tĩnh thoải mái. Phải loại bỏ áp lực thời gian, nhiễu tâm lý gây lệch hướng tư duy cũng như những tiếng ồn gây mất tập trung chú ý. Một nghiệm viên chỉ thực hiện test với một nhóm không quá 15 nghiệm thể. Các nghiệm thể phải có đủ chỗ để vẽ thoải mái.

Khi đã tạo được những điều kiện khách quan như trên thì mỗi nghiệm thể được nhận một bản test là một trang giấy trên đó có 6 nét vẽ để vẽ gọi là 6 họa tiết . Các nghiệm thể ghi các thông tin cần thiết vào phần trên trang test như: Họ và tên, giới tính, lớp, trường, ngày sinh, ngày làm test, nghề nghiệp và nơi ở của cha mẹ... Ngay sau khi nghiệm thể cuối cùng nhận giấy làm test và ghi xong các thông tin cá nhân, nghiệm thể thứ nhất đọc lời hướng dẫn làm test một cách rõ ràng: “Trước mắt các anh, chị là một bức vẽ dở dang. Người họa sĩ đã ngừng vẽ trước khi thực hiện xong ý định của mình. Bây giờ anh, chị hãy vẽ tiếp bức tranh theo ý riêng của bản thân. Anh, chị không bao giờ vẽ sai cả đâu, mọi bức tranh mà anh, chị vẽ ra đều được coi là đúng. Khi vẽ xong thì hãy nộp tranh cho nghiệm viên. Các anh, chị hãy bắt đầu đi, để xem chúng ta mất bao nhiêu thời gian để vẽ xong bức tranh này”.

Sau 3 phút có thể có sinh viên nào đó nộp bài. Nghiệm viên kiểm tra xem rồi nhận và hỏi xem bức tranh đã được ghi tên ở trên bản test chưa, ghi thời gian làm test của nghiệm viên. Mỗi bản test chỉ được vẽ trong 15 phút là tối đa.

Về kỹ thuật đánh giá test, người chấm các bức tranh này theo 14 tiêu chí với tổng số điểm là 72 điểm. Cách chấm cụ thể như sau:

-Mr (mở rộng thêm): mỗi sự mở rộng một trong 6 họa tiết cho trước được cho 1 điểm (đánh giá: 0-6 điểm).

-Bs (bổ sung thêm): nếu một số họa tiết đã được mở rộng lại được bổ sung thêm thì mỗi loại họa tiết được mở rộng ấy được cho 1 điểm nữa (đánh giá: 0-6 điểm).

-Pm (phần tử mới): những hình và phần tử mới, chi tiết được vẽ thêm vào những họa tiết cũng như những hình ở Mr và Bs, mỗi hình, mỗi phần tử ấy được 1 điểm. Những hình và yếu tố mới này về nguyên tắc là những hình độc lập riêng. Những yếu tố mà đã được nhận điểm ở Mr và Bs thì không nhận điểm ở đây nữa (đánh giá: 0-6 điểm).

-Lkh (liên kết theo hình vẽ): mỗi sự nối liền, liên kết 2 họa tiết (đã được mở rộng hoặc đã thêm những yếu tố mới) bằng 1 đường vẽ được cho 1 điểm. Cái được đánh giá không phải số phân tử hay yếu tố đang được nối liền mà là số cái nối liền. Số điểm không được vượt quá số các phân tử được nối liền (đánh giá: 0-6 điểm)

-Lkd (liên kết theo đề tài tranh): nhiều yếu tố hình nằm trong quan hệ với nhau theo đề tài bức tranh thì mỗi yếu tố nhận được 1 điểm. Việc cho điểm không phụ thuộc vào việc các phân tử hay hình có nối liền với nhau bằng 1 nét vẽ hay không. Điểm dành cho sự liên kết theo đề tài tranh không phụ thuộc vào việc là trong phạm trù đánh giá Lkh, các liên kết phụ thuộc hình vẽ giữa chính các phân tử ấy đã được cho điểm rồi hay không. Cái quan trọng là các phân tử khác nhau được gắn với toàn cục bức tranh (đánh giá: 0-6 điểm).

-Vk (vượt khung do họa tiết): sự vận dụng cũng như mở rộng thêm chữ U nhỏ nằm ngoài khung chữ nhật được cho 6 điểm. Nếu chỉ vẽ một nét gạch để đóng kín chữ U ấy thành hình vuông thì được cho 3 điểm (đánh giá: 0, 3 hoặc 6 điểm).

-Vkh (vượt khung không do họa tiết): những hình hay phần tử được vẽ ngoài khung chữ nhật độc lập với chữ U đã cho hoặc vượt qua khung chữ nhật thông vào bên trong, nói chung được cho 6 điểm (tất nhiên việc vượt qua giới hạn này không phải do vận động vụng về, do không nhận rõ hoặc tính không cẩn thận).

Nếu chỉ có một phần của yếu tố chủ yếu nằm trong khung chữ nhật vượt ra ngoài khung này thì được cho 3 điểm (đánh giá: 0, 3 hoặc 6 điểm).

-Pc (phối cảnh): một cấu trúc chung phối cảnh được cho 6 điểm. Ở những phần tử riêng lẻ mà nhờ đó nhận ra được sự phối cảnh hoặc sự tìm cách thể hiện 3 chiều thì mỗi phần tử ấy được cho 1 điểm (đánh giá: 0-6 điểm).

-Hc (hài cảm): mỗi bức vẽ gây ra ở người đánh giá một phản ứng xúc cảm, hài nhận, chạnh lòng... thì được cho 1-6 điểm (đánh giá: 0-6 điểm).

-BqA (bắt qui tắc A): Xảo thuật (điều khiển bằng tay không theo qui ước các vật liệu, ví dụ xoay tờ giấy test một góc lớn hơn 45, gấp tờ giấy test hay vẽ cả mặt sau của giấy test... được đánh giá 3 điểm (đánh giá: 0-3 điểm).

-BqB (bắt qui tắc B): tính trừu tượng, sự hư cấu, tượng trưng bộc lộ ở bức tranh được cho 3 điểm (đánh giá: 0-3 điểm).

-BqC (bắt qui tắc C): sự kết hợp hình, ký hiệu tượng trưng, chẳng hạn sử dụng các từ, viết lại con số, chơi từ trong tranh thì được cho 3 điểm (đánh giá: 0-3 điểm).

-BqD (bắt qui tắc D): sử dụng không dập khuôn lặp lại các họa tiết đã cho thì được cho 3 điểm. Nếu có các hình dập khuôn, lặp lại các hình đã cho thì mỗi hình dập khuôn bị trừ đi 1 điểm (đánh giá: 3, 2, 1, 0).

-Tg (thời gian): điểm thời gian chỉ được cho khi bức tranh ở 13 tiêu chí đầu đã đạt tối thiểu là 25 điểm và bức tranh được hoàn thành trong khoảng thời gian tối đa là 12 phút.

Điểm thời gian được chia như sau:

2 phút trở xuống: 6 điểm

4 phút trở xuống: 5 điểm

6 phút trở xuống: 4 điểm

8 phút trở xuống: 3 điểm

10 phút trở xuống: 2 điểm

12 phút trở xuống: 1 điểm

Tư duy sáng tạo của nghiệm thể được đánh giá theo tổng số điểm test, tức theo tổng số điểm của cả 14 tiêu chí mà về lý thuyết thì tổng này tối đa là 72 điểm cho

mỗi dạng A hoặc B. Mỗi nghiệm thể sẽ đạt một tổng điểm test tương ứng. Dựa vào tổng điểm test, Urban đã phân các nghiệm thể thành 7 nhóm mức độ tiềm năng sáng tạo A, B, C, D, E, F, G. Trong đó A là mức độ kém, B là mức độ thấp, C là mức độ trung bình, D là mức độ trung bình khá, E là mức độ khá, F là mức độ cao, G là mức độ xuất sắc (cực cao).

Sau đây là bảng phân mức độ tiềm năng sáng tạo của tuổi sinh viên theo test TSD-Z Urban.

Bảng 1: Bảng phân mức độ tư duy sáng tạo của nhóm tuổi sinh viên theo TSD-Z Urban.

Mức độ Test	A	B	C	D	E	F	G
	Kém	Thấp	Trung bình	Trung bình khá	Khá	Cao	Cực cao
Dạng A	<18	18-22	23-36	37-45	46-53	54-63	>63
Dạng B	<16	16-22	23-38	39-44	45-50	51-59	>59

TSD-Z cung cấp sự phân loại ban đầu- tức phân loại thô theo giá trị trung bình chuẩn (R-W), cung cấp cho người nghiên cứu các giá trị hạng bách phân (Pr) và giá trị trung bình test (T-W). Trên cơ sở các số liệu này, có thể tiến hành đánh giá tư duy sáng tạo của cá nhân, so sánh tư duy sáng tạo giữa các nhóm người, giữa những cá nhân với nhau.

TSD-Z của Urban có miền đo rất rộng bao gồm:

- 1- Tư duy phân kỳ và hành động phân kỳ;
- 2- Cơ sở tri thức chung và sơ sở khả năng tư duy;
- 3- Cơ sở tri thức chuyên biệt và những khả năng chuyên biệt;
- 4- Tính tập trung cao độ;
- 5- Động cơ và động cơ hóa;
- 6- Tính cởi mở và khoan dung.

Với các ưu điểm nổi trội của nó, TSD-Z có thể dùng để đo lường khả năng sáng tạo của sinh viên nói chung và đặc biệt là của sinh viên khối các trường mỹ thuật nói riêng.

Chú thích: * Thạc sỹ, giảng viên bộ môn Tâm lý học, Trường Đại học Văn hóa Hà nội

Tài liệu tham khảo:

1. Guilford J.P, *Creativity American Psychologist*, The Haworts Press, Inc. New York, năm 1970.
2. Getzels J. and Jackson P, *Creativity and intelligence: Explorations with gifted students*, New York , năm 1962
3. Nguyễn Huy Tú, *Vấn đề tư duy sáng tạo và chỉ số sáng tạo*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục số 11 năm 2004.

4. Nguyễn Huy Tú, *Về tính sáng tạo và chỉ số sáng tạo CQ*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, năm 2005.

5. Nguyễn Đức Uy, *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục, Hà nội, năm 1999.